

VN-Index giảm mạnh 1,8%

Ngày báo cáo

31/10/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm mạnh 1,8%

VN-Index giảm mạnh 1,8% (-29,9 điểm), đóng cửa phiên giao dịch tại 1.639,7 điểm. Chỉ số ghi nhận mức giảm ròng 2,5% trong tuần. Toàn sàn ghi nhận 116 mã tăng, 188 mã giảm và 54 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 27,7 nghìn tỷ đồng.

- Các ngân hàng VCB (-1,6%), HDB (-4,2%), TCB (-1,7%), VPB (-1,7%), LPB (-2,5%) và BID (-1,3%) giảm điểm. ACB (+1,6%) tích cực.
- Các cổ phiếu bất động sản VIC (-6,4%), VHM (-4,6%), VRE (-3,8%), BCM (-1,4%), KBC (-1,4%) và NVL (-1,1%) giảm mạnh.
- Ngành tiện ích là một điểm sáng trên thị trường khi GAS (+3,2%), REE (+1,4%) và POW (+1,1%) ghi nhận mức tăng vững chắc.
- Các mã vốn hóa lớn giảm điểm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các hãng hàng không VJC (-4,4%) và HVN (-4,2%), nhà sản xuất thép HPG (-0,7%), công ty chứng khoán VIX (-4,4%), nhà bán lẻ MWG (-1,6%) và công ty công nghiệp GMD (-3,4%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1639,7	265,9	113,5
% Δ	-1,8%	-0,4%	0,0%
- % Δ 1 tuần	-2,6%	-0,5%	2,3%
- % YTD	29,4%	16,9%	19,4%
- % YOY	29,7%	17,4%	22,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.051,3	\$69,5	\$22,7
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.276,6	\$94,4	\$23,3
- TB 1 năm (triệu)	\$949,3	\$67,3	\$33,6
- TB QTD	\$1.276,6	\$94,4	\$23,3
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-15,0%	-20,5%	-47,1%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$113,3	\$2,9	\$1,5
- Bán (triệu)	\$130,7	\$5,1	\$1,9
- GT ròng (triệu)	-\$17,5	-\$2,2	-\$0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	131	67	203
Mã giảm	199	94	182
Không đổi	85	146	527
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	277,2	17,7	56,4
P/E trượt 12T	14,3	21,1	14,7
LS cổ tức*	3,2%	3,1%	6,3%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.892,0	38.884	2.456,4
VN30F2M	1.886,0	3.184	5,1
VN30F1Q	1.882,0	288	0,5
VN30F2Q	1.888,4	115	0,2
VN100F1M	1.815,0	235	2,8
VN100F2M	1.807,9	10	0,0
VN100F1Q	1.847,0	17	0,1
VN100F2Q	1.802,0	17	0,1
USD/VND		26.331	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Dầu khí: PVN được trao thêm thẩm quyền, củng cố triển vọng phục hồi mạnh mẽ hoạt động E&P trong nước bất chấp giá dầu suy yếu
- ACV: Tăng trưởng sản lượng hành khách vững chắc và gánh nặng tỷ giá giảm thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh trong quý 3 - Báo cáo KQKD
- BID: Tăng trưởng tín dụng khiêm tốn trong quý 3 với NIM vẫn chịu áp lực - Báo cáo KQKD
- BVH: Mảng bảo hiểm nhân thọ thúc đẩy KQKD khả quan trong quý 3 - Báo cáo KQKD
- GMD: Lợi nhuận cốt lõi giảm QoQ và YoY do biên lợi nhuận gộp giảm từ nền cao và chi phí tăng mạnh, mặc dù doanh thu tăng vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- HDG: LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD
- HVN: Lỗ tỷ giá tăng ảnh hưởng lợi nhuận; thoát âm vốn chủ sở hữu - Báo cáo KQKD
- OIL: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- PHR: Giá bán cao su tăng và khoản bồi thường từ VSIP III trong quý 3 thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025 - Báo cáo KQKD
- PLX: LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- POW: LNST quý 3 tăng gấp đôi YoY, LNST báo cáo 9T 2025 hoàn thành 141% dự báo cả năm, tiềm năng tăng dự báo - Báo cáo KQKD
- SIP: Tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi từ mảng tiện ích KCN và bàn giao dự án KDC Phước Đông hỗ trợ lợi nhuận quý 3/2025 - Báo cáo KQKD
- SSI: Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới chứng khoán - Báo cáo KQKD
- VHC: Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ - Báo cáo KQKD
- VIC: Lợi nhuận mảng BĐS và khách sạn nghỉ dưỡng phù hợp kỳ vọng; khoản lãi từ chuyển nhượng vốn Novatech bù đắp cho khoản lỗ HĐKD cao hơn dự kiến của mảng công nghiệp trong quý 3/2025 - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ NGT
- VTP: Thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động mảng dịch vụ, gây áp lực lên lợi nhuận của quý 3/2025 - Báo cáo KQKD

Quan điểm kỹ thuật

Vùng 1.620 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo cho chỉ số VN-Index. Chúng tôi duy trì khả năng xuất hiện hoạt động mua giá thấp trên các nhóm ngành Ngân hàng, Bán lẻ, Vật liệu nhằm giúp chỉ số giữ được biên độ 1.620-1700 điểm trong giai đoạn tiếp theo.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

Ngành Dầu khí: PVN được trao thêm thẩm quyền, củng cố triển vọng phục hồi mạnh mẽ hoạt động E&P trong nước bất chấp giá dầu suy yếu

* Ngày 28/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.6/2025/NQ-CP, theo đó Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) được giao thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn mà trước đây thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương. Động thái này tiếp nối sau Nghị quyết 70 về đảm bảo an ninh năng lượng (ban hành ngày 20/8), mà theo chúng tôi đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với ngành năng lượng Việt Nam.

* Một số điểm chính:

1. PVN được phê duyệt kế hoạch đại cường phát triển mỏ dầu khí (ngoại trừ các dự án trên đất liền hoặc các dự án có chuỗi công trình kết hợp trên đất liền và trên biển), và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch chi tiết phát triển mỏ đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước đó.
2. PVN được phê duyệt điều chỉnh kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí đối với các trường hợp: (a) tổng mức đầu tư được điều chỉnh giảm; hoặc (b) tổng mức đầu tư tăng nhưng không quá 10% (ngoại trừ trường hợp xây thêm giàn). Theo chúng tôi, đây là điểm quan trọng nhất.
3. PVN được phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu dọn công trình dầu khí trong trường hợp chi phí dừng hoạt động được điều chỉnh tăng/giảm không quá 20% so với dự toán đã được BCT phê duyệt gần nhất.
4. PVN được phê duyệt Báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí (lần đầu) đối với các phát hiện nhỏ (mỏ dầu có trữ lượng dưới 30 triệu m³ dầu hoặc mỏ khí dưới 30 tỷ m³ khí), trừ các trường hợp PVN là Nhà điều hành.
5. Thời hạn thực hiện phân cấp: kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027, trừ trường hợp Luật Dầu khí sửa đổi có hiệu lực sớm hơn.

* Quan điểm của chúng tôi: Chúng tôi cho rằng việc phân cấp này sẽ đẩy nhanh tiến độ các hoạt động thăm dò - khai thác (E&P) trong nước từ năm 2026, đặc biệt là nhóm các dự án dầu khí quy mô trung bình - ngắn hạn (tổng vốn đầu tư khoảng 1,4 tỷ USD) gồm: Nam Du - U Minh, Khánh Mỹ - Đầm Dơi, Thiên Nga - Hải Âu; cùng với nhóm các mỏ dầu khí khác (tổng vốn đầu tư khoảng 3,6 tỷ USD) gồm: Lạc Đà Hồng, Hải Sư Vàng, Báo Vàng - Báo Đen. Đây đều là những dự án mang lại lợi ích trực tiếp cho nhóm cổ phiếu dầu khí. Cổ phiếu lựa chọn hàng đầu là PVS, PVD là những bên hưởng lợi sớm nhất. Tại ĐHCĐ bất thường gần đây, PVS cho biết đang tham gia đấu thầu gói thầu giàn khai thác của dự án Nam Du - U Minh. Các công ty khác cũng hưởng lợi gồm: GAS, DCM, PVT.

ACV: Tăng trưởng sản lượng hành khách vững chắc và gánh nặng tỷ giá giảm thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh trong quý 3 - Báo cáo KQKD

* KQKD 9T 2025 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng: ACV báo cáo doanh thu 9T 2025 đạt 19,2 nghìn tỷ đồng (+14% YoY; hoàn thành 75% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 8,9 nghìn tỷ đồng (+5% YoY; hoàn thành 76% dự báo cả năm của chúng tôi). Chúng tôi nhận thấy thay đổi không đáng kể đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi. Tuy nhiên, kế hoạch vận hành Sân bay Quốc tế Long Thành (LTA) từ giữa năm 2026 (so với kỳ vọng năm 2027 của chúng tôi) đặt ra rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi cho ACV, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Lợi nhuận quý 3/2025 tăng nhờ giảm lỗ tỷ giá: ACV báo cáo doanh thu quý 3/2025 đạt 6,5 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; +2% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (+37% YoY; +23% QoQ). Lợi nhuận tăng mạnh chủ yếu được hỗ trợ bởi mức giảm mạnh trong lỗ tỷ giá xuống 25 tỷ đồng (-97% YoY và QoQ), do tỷ giá JPY/VND giảm 2% trong quý đã giúp giảm bớt gánh nặng tỷ giá trên khoản nợ bằng JPY của ACV. Tính đến cuối tháng 10, tỷ giá JPY/VND đã giảm thêm 4% QoQ, cho thấy lỗ tỷ giá sẽ được kiểm soát tốt hơn nữa vào cuối năm.

* Hành khách quốc tế: Lượng khách quốc tế tăng 18% YoY trong quý 3/2025, đạt 12 triệu lượt, đưa tổng số 9T 2025 lên 35 triệu lượt (+14% YoY, hoàn thành 75% dự báo cả năm của chúng tôi). Lượng khách du lịch Trung Quốc đến Việt Nam giảm xuống mức 98% so với trước COVID (so với 110% trong quý 2/2025), mặc dù cao hơn nhiều so với mức trung bình 64% trong năm 2024.

* Hành khách trong nước: Lượng khách trong nước tăng 2% YoY trong quý 3/2025, đạt 19 triệu lượt, đưa tổng số 9T 2025 lên 56 triệu lượt (+6% YoY, hoàn thành 75% dự báo cả năm của chúng tôi).

* Biên lợi nhuận gộp: Biên lợi nhuận gộp quý 3/2025 đạt 61,7% (-2,7 điểm % YoY; đi ngang so với quý 2), chủ yếu do tỷ lệ chi phí khấu hao và bảo trì/doanh thu cao hơn so với cùng kỳ. Trong 9T 2025, biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ lên 64,0% (+42 điểm cơ bản YoY), cao hơn dự báo cả năm 61,3% của chúng tôi.

* Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý (SG&A)/doanh thu: Tỷ lệ này (không bao gồm dự phòng/hoàn nhập nợ xấu) là 6,2% (+37 điểm cơ bản YoY; +12 điểm cơ bản QoQ) trong quý 3/2025. Trong quý 3/2025, ACV đã trích lập 51 tỷ đồng dự phòng nợ xấu (-7% YoY; so với hoàn nhập 91 tỷ đồng trong quý 2/2025), dẫn đến tổng nợ xấu của ACV là 3,8 nghìn tỷ đồng tính đến cuối quý 3/2025.

* Các khoản phải thu: Tính đến cuối quý 3/2025, các khoản phải thu của ACV giảm xuống 7,6 nghìn tỷ đồng (-33% YoY; -9% QoQ). Đáng chú ý, các khoản phải thu từ HVN giảm xuống 345 tỷ đồng (-91% YoY; -27% QoQ). Các khoản phải thu từ VJC cũng giảm xuống 1,5 nghìn tỷ đồng (-51% YoY; -25% QoQ). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BID: Tăng trưởng tín dụng khiêm tốn trong quý 3 với NIM vẫn chịu áp lực - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID) đã công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 61,1 nghìn tỷ đồng (+11,9% YoY) và LNTT đạt 23,6 nghìn tỷ đồng (+7,2% YoY), lần lượt hoàn thành 73% và 70% dự báo năm 2025 của chúng tôi. LNTT quý 3/2025 là 7,6 nghìn tỷ đồng (-11,9% QoQ, +16,9% YoY). Nhìn chung, kết quả lợi nhuận của ngân hàng có phần kém khả quan hơn so với kỳ vọng của chúng tôi do NIM thấp hơn dự báo. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận hiện tại của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tăng trưởng tín dụng 9T 2025 đạt 8,8%, thấp hơn so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 13,4%. Riêng trong quý 3, tăng trưởng tín dụng đạt 2,6% (thấp hơn so với mức 3,5% trong quý 2). Các ngành đóng góp chính cho tăng trưởng tín dụng 9T 2025 bao gồm ngành dịch vụ (+25,2% so với đầu năm), ngành sản xuất & chế biến (+9,1% so với đầu năm), và "các ngành khác" (+17,9% so với đầu năm). Trong khi đó, ngành bán buôn & bán lẻ lại ghi nhận mức tăng trưởng giảm (-5,0% so với đầu năm).

* Tăng trưởng tiền gửi khách hàng 9T 2025 đạt 6,9%, thấp hơn so với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA quý 3/2025 đạt 20,6% (đi ngang QoQ, +1,9 điểm % YoY).

* Thu nhập lãi ròng (NII) 9T 2025 của BID ghi nhận mức tăng 4,1% YoY nhờ mức tăng trưởng tín dụng tốt đã bù đắp cho mức sụt giảm mạnh của NIM. NIM 9T 2025 đạt 2,05% (-31 điểm cơ bản YoY), thấp hơn so với dự báo cả năm của chúng tôi là 2,15%.

* So với cùng kỳ quý trước, NIM đã giảm nhẹ QoQ xuống mức 2,03% (-5 điểm cơ bản QoQ, -21 điểm cơ bản YoY), do lợi suất tài sản sinh lãi giảm (-6 điểm cơ bản QoQ, -36 điểm cơ bản YoY) trong khi chi phí huy động gần như đi ngang (-1 điểm cơ bản QoQ, -13 điểm cơ bản YoY).

* Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu cải thiện nhẹ xuống mức 1,87% (-10 điểm cơ bản QoQ, +17 điểm cơ bản YoY) trong quý 3/2025, cao hơn so với dự báo cuối năm 2025 của chúng tôi là 1,50%. Tỷ lệ nợ Nhóm 2 cũng giảm nhẹ QoQ xuống mức 1,50% (-4 điểm cơ bản QoQ, -17 điểm cơ bản YoY) trong quý 3/2025. Trong 9T 2025, BID đã xử lý 15,2 nghìn tỷ đồng nợ xấu – tương đương với mức tỷ lệ xử lý nợ xấu trên tổng dư nợ là 0,68%.

* Chi phí tín dụng hàng năm 9T 2025 là 1,05%, cao hơn nhẹ so với mức 1,02% ghi nhận trong 9T 2024. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 3/2025 của BID đã tăng nhẹ QoQ lên mức 95% (từ mức 89% ghi nhận trong quý trước).

* Tổng thu nhập ngoài lãi (NOII) 9T 2025 đạt 17,0 nghìn tỷ đồng (+38,6% YoY), hoàn thành 79% dự báo cả năm của chúng tôi. Thu nhập khác ròng tăng mạnh 119,6% YoY lên mức 6,7 nghìn tỷ đồng, được thúc đẩy bởi mức tăng mạnh của khoản thu hồi nợ xấu. Trong khi đó, thu nhập phí dịch vụ thuần (NFI) hầu như đi ngang và lãi giao dịch ngoại hối giảm 18,8% YoY.

* Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) 9T 2025 đi ngang YoY ở mức 33,8%, thấp hơn so với dự báo cả năm của chúng tôi là 34,3%, khi mức tăng 12,2% YoY của chi phí hoạt động (OPEX) gây ảnh hưởng lên mức tăng 11,9% YoY của TOI. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BVH: Mảng bảo hiểm nhân thọ thúc đẩy KQKD khả quan trong quý 3 - Báo cáo KQKD

Tập đoàn Bảo Việt (BVH) công bố KQKD hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) với tổng phí bảo hiểm gốc đạt 32,8 nghìn tỷ đồng (+4% YoY) và LNTT đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+36% YoY), lần lượt hoàn thành 70% và 79% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi. LNTT quý 3/2025 đạt 963 tỷ đồng (+16% QoQ; +40% YoY). Nhìn chung, kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu do chi phí bồi thường và dự phòng bảo hiểm thấp hơn dự kiến và thu nhập tài chính tốt.

* Phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ 9T 2025 lần lượt đạt 24,2 nghìn tỷ đồng (+2% YoY) và 8,2 nghìn tỷ đồng (+6% YoY), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Phí bảo hiểm nhân thọ toàn hệ thống tăng nhẹ 0,3% YoY trong 9T 2025, cho thấy hiệu suất tương đối vững chắc của BVH so với các đối thủ và củng cố vị thế thị phần phí bảo hiểm hàng đầu. Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận kết quả 9T 2025 khá bao gồm tổng doanh thu tăng 4% YoY và LNST tăng 59% YoY. Trong khi đó, Bảo hiểm Bảo Việt (phi nhân thọ) ghi nhận tổng doanh thu tăng 9% YoY và LNST giảm 20% YoY trong 9T 2025 trong bối cảnh BVH mất thị phần phí bảo hiểm phi nhân thọ (tăng trưởng phí bảo hiểm phi nhân thọ toàn hệ thống 9T 2025 là 10,1%) và áp lực chi bồi thường từ các thiên tai gần đây (Ragasa, Bualoi, Matmo).

* Tỷ lệ chi bồi thường và tỷ lệ dự phòng trong 9T 2025 lần lượt là 48,8% (+1,3 điểm % YoY) và 36,9% (-10 điểm % YoY). Mặc dù chi phí dự phòng toán học 9T 2025 tăng 16% YoY (khả năng do cải thiện phí bảo hiểm kinh doanh mới thúc đẩy tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ), tổng chi phí dự phòng ròng vẫn giảm 19% YoY. Điều này chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức giảm đáng kể so với cùng kỳ trong chi phí dự phòng lãi suất đảm bảo tối thiểu và dự phòng cổ tức, có khả năng do đáo hạn một lượng lớn hợp đồng bảo hiểm cam kết lãi suất cao và/hoặc sự gia tăng lợi suất trái phiếu Chính phủ, điều này giảm chênh lệch âm (nếu có) giữa các khoản nợ của BVH và các cam kết lãi suất với người mua bảo hiểm và (2) giảm dự phòng bồi thường gộp.

* Mặc dù thu nhập tài chính ròng 9T 2025 chỉ tăng nhẹ 3% YoY, thu nhập tài chính ròng quý 3/2025 tăng 10% QoQ và 14% YoY. Điều này phù hợp với dự báo cả năm của chúng tôi nhờ sự phục hồi phí bảo hiểm liên tục sẽ củng cố dòng tiền đầu tư và lãi suất tiền gửi vốn đã chạm đáy. Ngoài ra, thu nhập tài chính quý 3/2025 của BVH cũng được hỗ trợ bởi việc ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong lãi từ giao dịch chứng khoán nhờ sự phục hồi của thị trường cổ phiếu trong quý 3/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GMD: Lợi nhuận cốt lõi giảm QoQ và YoY do biên lợi nhuận gộp giảm từ nền cao và chi phí tăng mạnh, mặc dù doanh thu tăng vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* GMD công bố KQKD quý 3/2025 như sau:

- Doanh thu: 1.560 tỷ đồng (+4% QoQ, +23% YoY)

- LNST sau lợi ích CĐTS: 315 tỷ đồng (-29% QoQ, -6% YoY)

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 315 tỷ đồng (-29% QoQ, -6% YoY)

* KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025):

- Doanh thu: 4.331 tỷ đồng (+27% YoY; 81% dự báo năm 2025 của chúng tôi)

- LNST sau lợi ích CĐTS: 1.163 tỷ đồng (-5% YoY; 78% dự báo năm 2025 của chúng tôi)

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (là phần LNST sau lợi ích CĐTS không bao gồm khoản lãi tài chính từ việc thoái vốn khỏi cảng Nam Hải trong quý 1/2024): 1.163 tỷ đồng (+31% YoY; 78% dự báo năm 2025 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDG: LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD

Chúng tôi ghi nhận tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2025 của chúng tôi, nhờ kết quả vượt kỳ vọng đáng kể của mảng thủy điện, bù đắp cho lượng bàn giao biệt thự từ dự án Charm Villas có thể thấp nhẹ hơn dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với CTCP Tập đoàn Hà Đô (HDG) với giá mục tiêu 37.700 đồng/CP.

Quý 3/2025: Doanh thu đạt 713 tỷ đồng (+26% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 285 tỷ đồng, tăng gấp đôi YoY.

* Cả LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo và cốt lõi đều tăng gấp đôi YoY, nhờ lợi nhuận gộp mảng năng lượng tăng mạnh (37% YoY), chủ yếu đến từ kết quả vượt trội của mảng thủy điện. Ngoài ra, HDG nhiều khả năng đã ghi nhận 24 tỷ đồng doanh thu từ bán một căn biệt thự tại Charm Villas.

* HDG trích lập thêm khoảng 33 tỷ đồng dự phòng ròng cho dự án điện mặt trời Hồng Phong 4 trong quý 3/2025, do phương án xử lý cuối cùng vẫn chưa được phê duyệt, theo ước tính của chúng tôi. Như vậy, trong 9T 2025, công ty đã trích lập bổ sung 79 tỷ đồng, tương đương 73% dự báo năm 2025 của chúng tôi, phù hợp với dự báo. HDG không ghi nhận thêm khoản dự phòng mới cho dự án điện mặt trời Infra 1 trong 9T 2025.

Trong 9T 2025: Doanh thu đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (-3% YoY, hoàn thành 58% dự báo năm 2025 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 421 tỷ đồng (đi ngang YoY, 56% dự báo năm 2025 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 573 tỷ đồng (+35% YoY, hoàn thành 59% dự báo năm 2025 của chúng tôi).

* Mức tăng trưởng lớn trong LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp mảng năng lượng tăng mạnh 44% YoY với mảng thủy điện tích cực, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đi ngang YoY do ảnh hưởng từ khoảng 106 tỷ đồng lỗ tỷ giá. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HVN: Lỗ tỷ giá tăng ảnh hưởng lợi nhuận; thoát âm vốn chủ sở hữu - Báo cáo KQKD

* KQKD 9T 2025 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN) báo cáo doanh thu thuần 9T 2025 đạt 88,9 nghìn tỷ đồng (+11% YoY; hoàn thành 78% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; hoàn thành 73% dự báo cả năm của chúng tôi). Chúng tôi nhận thấy thay đổi không đáng kể đối với dự báo của chúng tôi cho HVN, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Lợi nhuận quý 3 giảm YoY, chủ yếu do gia tăng khoản lỗ tỷ giá: HVN báo cáo doanh thu quý 3/2025 đạt 30,4 nghìn tỷ đồng (+13% YoY; +9% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 617 tỷ đồng (-20% YoY; -78% QoQ). Sự ngược chiều xu hướng tăng trưởng giữa doanh thu và lợi nhuận chủ yếu do lỗ tỷ giá tăng, gây áp lực lên lợi nhuận.

* KQKD của VNA (Vietnam Airlines):

- Doanh thu: Doanh thu quý 3/2025 đạt 24,5 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; +7% QoQ), đưa doanh thu 9T 2025 lên 71,9 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; hoàn thành 80% dự báo cả năm của chúng tôi).

- Mảng vận tải: Doanh thu tăng lên 24,1 nghìn tỷ đồng (+17% YoY; +8% QoQ), được thúc đẩy bởi cả hoạt động quốc tế (+15,5% YoY) và trong nước (+20,8% YoY). Doanh thu 9T 2025 tăng lên 70,9 nghìn tỷ đồng (+15% YoY; hoàn thành 80% dự báo cả năm của chúng tôi).

- Lượng hành khách: VNA đã vận chuyển 6,7 triệu hành khách (+11% YoY) trong quý 3/2025. Trong 9T 2025, VNA vận chuyển tổng cộng 19,4 triệu hành khách (+12% YoY) và 250 nghìn tấn hàng hóa (+11% YoY).

* Biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ so với quý trước: Biên lợi nhuận gộp quý 3/2025 ở mức 12,5% (+1,6 điểm % YoY; -5,2 điểm % QoQ). Trong quý 3/2025, giá nhiên liệu bay ở mức 86 USD/thùng (-6,5% YoY; +6,2% QoQ).

* Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý (SG&A)/doanh thu tăng: Tỷ lệ này tăng lên 8,1% (+1,6 điểm % YoY; +2,4 điểm % QoQ), trở lại mức bình thường trước COVID của HVN giữa bối cảnh phí đặt, giữ chỗ và tiền thưởng bán hàng tăng gần liền với việc khôi phục và mở rộng mạng bay.

* Thu nhập & Chi phí tài chính bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá: Thu nhập tài chính quý 3/2025 giảm xuống 322 tỷ đồng (-43% YoY; -7% QoQ), trong khi chi phí tài chính tăng lên 888 tỷ đồng (+9% YoY; +31% QoQ), chủ yếu do biến động tỷ giá bất lợi khi lãi tỷ giá giảm 58% YoY trong khi lỗ tỷ giá tăng mạnh 3,7 lần YoY.

* Vốn chủ sở hữu chuyển sang dương: Sau đợt phát hành quyền mua trong quý 3/2025 và lợi nhuận 9T 2025 khả quan, vốn chủ sở hữu của HVN đã chuyển sang dương 6,4 nghìn tỷ đồng (so với âm 9,3 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2024). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

OIL: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Dầu Việt Nam (OIL) đã công bố KQKD quý 3/2025 với doanh thu đạt 32,8 nghìn tỷ đồng (+5% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 125 tỷ đồng (+351% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh 295% YoY lên mức 85 tỷ đồng. Sự phục hồi mạnh mẽ của lợi nhuận chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 12% YoY của sản lượng bán trong nước, nhờ được hỗ trợ bởi hoạt động mở rộng mạng lưới, với 915 cửa hàng COCO được OIL vận hành tính đến cuối tháng 9 (+9,1% so với đầu năm), cùng với (2) mức tăng 0,4 điểm % của biên lợi nhuận gộp. Các yếu tố tích cực này đã bù đắp cho (3) mức tăng 14% YoY của chi phí bán hàng và (4) mức tăng 76% YoY của chi phí lãi vay.

* Đà tăng trưởng của biên lợi nhuận được hỗ trợ bởi mức biến động giá dầu thấp và tỷ trọng đóng góp lớn hơn từ mảng dịch vụ. Trong quý 3/2025, mức biến động giá dầu đã giảm xuống còn 8 USD/thùng (so với 18 USD/thùng trong quý 3/2024). Sự ổn định hơn của biến động giá dầu trong quý đã giúp giảm thiểu rủi ro từ hàng tồn kho, mặc dù giá dầu Brent đã ghi nhận mức giảm 14% YoY. Ngoài ra, lợi nhuận gộp mảng dịch vụ cũng chuyển dương và đạt mức 76 tỷ đồng (so với mức -30 tỷ đồng ghi nhận trong quý 3/2024), mà chúng tôi cho rằng nguyên nhân là do đà tăng trưởng của các dịch vụ phi xăng dầu (ví dụ: trạm sạc xe điện). Tính đến cuối giai đoạn nửa đầu năm 2025, OIL đã sở hữu hơn 400 điểm sạc xe điện (+50 điểm, +14% so với đầu năm).

* Trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025), OIL đã ghi nhận mức doanh thu đạt 105,5 nghìn tỷ đồng (+11% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 332 tỷ đồng (-4% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 286 tỷ đồng (-13% YoY). Sự sụt giảm YoY của lợi nhuận chủ yếu xuất phát từ KQKD kém khả quan ghi nhận trong quý 1, khi hàng tồn kho giá cao được bán ra trong bối cảnh giá dầu giảm, từ đó làm giảm thiểu tác động tích cực từ mức tăng 4% YoY của sản lượng bán hàng và mức tăng mạnh 177% YoY của lợi nhuận gộp mảng dịch vụ.

* KQKD 9T nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi, với doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi lần lượt hoàn thành 76% và 74% dự báo năm 2025 của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể nào đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Mặc dù LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đã hoàn thành 199% dự báo, nhưng chúng tôi cho rằng OIL dự kiến sẽ trích lập 247 tỷ đồng chi phí dự phòng liên quan đến vụ phá sản của Phú Thọ Biofuel trong quý 4, từ đó có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận báo cáo cả năm. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PHR: Giá bán cao su tăng và khoản bồi thường từ VSIP III trong quý 3 thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025 - Báo cáo KQKD

* CTCP Cao su Phước Hòa (PHR) đã công bố KQKD quý 3/2025 với doanh thu đạt 617 tỷ đồng (+50% YoY; +68% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 259 tỷ đồng (+164% YoY; +187% QoQ). Đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ YoY chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) giá bán trung bình (ASP) cao su tăng và (2) khoản thu nhập bồi thường từ VSIP III (PHR được hưởng 20% lợi nhuận từ hoạt động cho thuê đất tại VSIP III, như một phần bồi thường cho đất cao su).

* Trong 9T 2025, doanh thu của PHR tăng 29% YoY, đạt mức 1,3 nghìn tỷ đồng trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 89% YoY, đạt 446 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 80% và 82% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 (dù cần thêm đánh giá chi tiết) khi ASP cao su hiện đang cao hơn kỳ vọng của chúng tôi.

* Đối với mảng cao su & gỗ, lợi nhuận gộp trong 9T 2025 tăng 74% YoY, đạt 289 tỷ đồng, hoàn thành 88% dự báo cả năm của chúng tôi, với biên lợi nhuận gộp cải thiện 6,1 điểm % YoY, đạt mức 23,7% (so với dự báo cả năm của chúng tôi là 21,9%). Hiệu quả vượt trội này chủ yếu nhờ ASP cao su của PHR tăng 14,4% YoY, đạt 49,05 triệu đồng/tấn trong 9T 2025.

* Thu nhập tài chính, thu nhập ròng từ các CTLK và thu nhập ròng khác trong 9T 2025 đạt tổng cộng 322 tỷ đồng (+81% YoY), hoàn thành 73% dự báo cả năm của chúng tôi và nhìn chung phù hợp với kỳ vọng. Trong đó, khoản bồi thường từ VSIP III đóng góp 120 tỷ đồng (so với không ghi nhận trong 9T 2024), trong khi thu nhập từ các CTLK (chủ yếu là NTC, bao gồm cả thu nhập cổ tức) đạt 115 tỷ đồng (+41% YoY).

* Đối với KCN Bắc Tân Uyên 1 (diện tích 786 ha), do THADICO Bình Dương (thuộc Tập đoàn THACO) phát triển trên quỹ đất cao su của PHR, tính đến tháng 10/2025, PHR đang trong quá trình đàm phán để chốt giá bồi thường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLX: LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam (PLX) đã công bố báo cáo KQKD quý 3/2025 với doanh thu đạt 83,6 nghìn tỷ đồng (+30% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 611 tỷ đồng (+840% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 10,4 lần YoY lên 581 tỷ đồng. Đà phục hồi của lợi nhuận chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng 11% YoY của sản lượng xăng dầu nội địa, và (2) sự cải thiện của biên lợi nhuận, nhờ được hỗ trợ bởi mức biến động giá dầu thấp, ở mức 8 USD/thùng trong quý 3/2025 (so với 18 USD/thùng trong quý 3/2024). Sự ổn định hơn của biến động giá trong quý đã giúp giảm bớt áp lực lên hàng tồn kho, dù giá dầu Brent ghi nhận mức giảm 14% YoY. Những yếu tố tích cực này đã bù đắp cho (3) mức tăng 40% YoY của chi phí lãi vay và (4) mức tăng 11% YoY của chi phí bán hàng.

* Trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025), PLX đã ghi nhận doanh thu đạt 228 nghìn tỷ đồng (+7% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (-10% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (-9% YoY). Mức giảm YoY chủ yếu phản ánh KQKD kém khả quan của quý 1 khi PLX bán hàng tồn kho giá cao trong giai đoạn giá dầu giảm, từ đó làm giảm thiểu tác động tích cực từ mức tăng 8,8% YoY của sản lượng bán hàng.

* KQKD 9T nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, với LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi hoàn thành 75% dự báo năm 2025 của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể nào đối với dự báo lợi nhuận năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Tác động tích cực của mức thu nhập tài chính cao hơn dự kiến nhiều khả năng sẽ được bù đắp bởi chi phí tài chính cao hơn dự kiến. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

POW: LNST quý 3 tăng gấp đôi YoY, LNST báo cáo 9T 2025 hoàn thành 141% dự báo cả năm, tiềm năng tăng dự báo - Báo cáo KQKD

* KQKD quý 3/2025: Sản lượng điện thương phẩm đạt 3,9 tỷ kWh (+19% YoY); doanh thu đạt 7,9 nghìn tỷ đồng (+30% YoY); LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 809 tỷ đồng (tăng 2 lần YoY); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 845 tỷ đồng (tăng 7 lần YoY).

- Lợi nhuận gộp tăng mạnh 4,4 lần YoY: Sản lượng điện Qc cam kết cao 105% (tỷ lệ Qc cao tại các nhà máy điện khí và điện than, so với 86% trong quý 3/2024) và doanh thu tăng 30% YoY (giá bán trung bình +9% YoY và sản lượng điện thương phẩm +19% YoY).

- POW đã thu được khoảng 100 tỷ đồng bồi thường bảo hiểm cho Vũng Áng trong quý 3, giảm dư nợ nợ xấu/phải thu xuống 211 tỷ đồng từ mức 311 tỷ đồng vào cuối quý 2/2025. Nhìn chung, POW đã trích lập dự phòng 93 tỷ đồng trong 9T 2025 liên quan đến vấn đề này, so với dự phóng 400 tỷ đồng dự phòng của chúng tôi.

- LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng trưởng chậm hơn so với lợi nhuận gộp chủ yếu do lỗ tỷ giá 142 tỷ đồng (so với lãi tỷ giá 99 tỷ đồng trong quý 3/2024) và chi phí lãi vay cao hơn 59% YoY.

* KQKD 9T 2025: Sản lượng điện thương phẩm đạt 12,9 tỷ kWh (+11% YoY, 70% dự báo năm 2025 không bao gồm NT3&4); doanh thu 25,4 nghìn tỷ đồng (+17% YoY, 75% dự báo năm 2025 không bao gồm NT3&4); LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (+74% YoY, 141% dự báo năm 2025); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (tăng 2,5 lần YoY, 166% dự báo năm 2025).

- Lợi nhuận gộp tăng do (1) sản lượng điện thương phẩm tăng, (2) giá bán trung bình cao hơn 6% YoY và (3) tỷ lệ Qc cao đáng kể 96% (so với 75% trong 9T 2024).

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng trưởng với tốc độ tương tự lợi nhuận gộp, có khả năng vượt dự báo của chúng tôi do thời gian vận hành thương mại của NT3&4 chậm hơn dự kiến.

- Chúng tôi thấy tiềm năng tăng dự báo của chúng tôi mặc dù chúng tôi kỳ vọng Nhơn Trạch 3&4 sẽ chịu lỗ khi đi vào vận hành thương mại do chi phí khấu hao và chi phí lãi vay cao.

- Chúng tôi kỳ vọng POW sẽ nhận 381 tỷ đồng chi phí O&M (Vận hành và Bảo trì) cho nhà máy Cà Mau vào năm 2026 thay vì năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SIP: Tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi từ mảng tiện ích KCN và bàn giao dự án KDC Phước Đông hỗ trợ lợi nhuận quý 3/2025 - Báo cáo KQKD

* CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) đã công bố KQKD quý 3/2025 với doanh thu đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+13% YoY; +5% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 366 tỷ đồng (+21% YoY; +18% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng lợi nhuận YoY ổn định trong quý 3/2025 chủ yếu đến từ lợi nhuận cốt lõi của mảng dịch vụ tiện ích KCN tăng trưởng ổn định cùng đóng góp từ hoạt động bàn giao tại dự án KDC Phước Đông (so với không ghi nhận doanh thu BĐS nhà ở trong quý 3/2024).

* Trong 9T 2025, LNST sau lợi ích CĐTS của SIP tăng +18% YoY, đạt 1,0 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 82% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025, do lợi nhuận cốt lõi từ mảng dịch vụ tiện ích KCN và hoạt động bàn giao BĐS nhà ở đều vượt kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Mảng KCN: Doanh thu trong 9T 2025 tăng 11% YoY, chủ yếu phản ánh sự thay đổi trong phần doanh thu chưa ghi nhận, do SIP áp dụng phương pháp phân bổ cho việc ghi nhận doanh thu cho thuê đất KCN. Chúng tôi ước tính dòng tiền mảng KCN trong 9T 2025 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+51% YoY), hoàn thành 114% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng dòng tiền mạnh này được hỗ trợ bởi hoạt động cho thuê đất KCN khả quan trong giai đoạn gần đây (khoảng 54 ha trong quý 3/2024, 0 ha trong quý 4/2024, khoảng 20 ha trong quý 1/2025 và khoảng 8 ha trong quý 2/2025). SIP hiện chưa công bố doanh số cho thuê đất KCN quý 3/2025.

* Mảng dịch vụ tiện ích KCN: Lợi nhuận gộp trong 9T 2025 tăng 14% YoY đạt 653 tỷ đồng, tương đương 84% dự báo cả năm của chúng tôi.

* Mảng BĐS nhà ở: Trong 9T 2025, SIP đã hoàn tất bán/bàn giao hơn 100 căn tại dự án KDC Phước Đông (tổng diện tích 247 ha, Tây Ninh), trên tổng số ~200 căn được mở bán từ quý 2/2025, vượt dự báo cả năm của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SSI: Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới chứng khoán - Báo cáo KQKD

CTCP Chứng khoán SSI (SSI) công bố KQKD hợp nhất 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) với LNTT đạt 4,1 nghìn tỷ đồng (+36,5% YoY), hoàn thành 73% dự báo cả năm của chúng tôi. Ngoài ra, thu nhập hoạt động 9T 2025 (được định nghĩa bao gồm lãi nhưng không bao gồm lỗ từ mảng tự doanh) tăng 47,9% YoY đạt 9,3 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 83% dự báo cả năm của chúng tôi. So với quý trước, LNTT quý 3 của SSI tăng 53,2% với kết quả tích cực trên tất cả các mảng kinh doanh (đầu tư, môi giới, cho vay ký quỹ và ngân hàng đầu tư). Nhìn chung, KQKD của SSI phù hợp với dự báo của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng dự báo năm 2025 của chúng tôi cho SSI, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Lãi từ tài sản FVTPL (tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ) 9T 2025 tăng 54,0% YoY, với lãi ròng tăng 18,8% YoY. So với quý trước, lãi ròng từ tài sản FVTPL của SSI tăng 34,8%, chủ yếu được thúc đẩy bởi việc ghi nhận lãi đầu tư từ VPB, mà chúng tôi ước tính đóng góp khoảng 500 tỷ đồng từ việc thoái vốn. Ngoài ra, kết quả quý 3 cho thấy tài sản FVTPL tăng 10,5% QoQ, cùng với sự gia tăng nhẹ trong tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu, chiếm 7% tổng FVTPL, tăng từ 6% trong quý trước. Những động thái này cho thấy SSI đang tích cực tối ưu hóa khả năng sinh lời giữa bối cảnh điều kiện thị trường thuận lợi.

* Thị phần môi giới của SSI trên ba sàn giao dịch tăng trong quý 3/2025 lên 11,4% từ mức 10,6% trong quý 2/2025. Công ty đã tăng trưởng thị phần một cách nhất quán trong 4 quý qua, cho thấy thể mạnh về vốn, thương hiệu uy tín và dịch vụ chất lượng cao. Ngoài ra, ước tính của chúng tôi cho thấy SSI đã giảm tỷ lệ hoa hồng để thu hút khách hàng mới (0,15% trong 9T 2025 so với 0,19% trong 9T 2024). Giá trị giao dịch bình quân cao trong 9T 2025 và việc mở rộng thị phần môi giới bù đắp nhiều hơn cho với tác động tiêu cực của việc giảm tỷ lệ hoa hồng, do đó doanh thu môi giới 9T 2025 của SSI tăng 27,3% YoY.

* Dư nợ cho vay ký quỹ quý 3/2025 đạt mức kỷ lục 39,2 nghìn tỷ đồng (+18,4% QoQ, +101% YoY), điều này đã thúc đẩy tăng trưởng mạnh trong doanh thu cho vay ký quỹ 9T 2025 (2,5 nghìn tỷ đồng, +63,3% YoY). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VHC: Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ - Báo cáo KQKD

* CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) với doanh thu đạt 9,3 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (+41% YoY), lần lượt hoàn thành 68% và 85% dự báo cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận cao hơn một chút so với kỳ vọng, được thúc đẩy bởi lãi tài chính ròng tăng mạnh (+116% YoY) đóng góp bởi khoản lãi tỷ giá, hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán, và chi phí lãi vay thấp hơn.

* Trong quý 3/2025, doanh thu của VHC tăng 6% YoY, dẫn dắt bởi collagen & gelatin (C&G) tăng 20% YoY và hiệu ứng chuyển đổi tỷ giá từ việc đồng VND mất giá so với các đồng tiền xuất khẩu chính. Tuy nhiên, phí lẻ cá tra đông lạnh và các sản phẩm liên quan (ví dụ: cá tẩm bột, mỡ cá, bột cá và thức ăn chăn nuôi) đi ngang so với cùng kỳ do sản lượng xuất khẩu giảm 18% YoY và giá trị giảm 19% YoY (theo Agromonitor). Chúng tôi cho rằng điều này là do hệ quả của việc nhập hàng trước khi áp thuế, gây ra sự sụt giảm mạnh trong xuất khẩu sang Mỹ (-11% YoY) và các đơn hàng tiếp tục yếu từ Trung Quốc (-23% YoY). Ngược lại, doanh thu thị trường EU duy trì đà tăng mạnh với tăng trưởng 23% YoY, giúp bù đắp cho hoạt động xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc chững lại. Chúng tôi cũng quan sát thấy biên lợi nhuận gộp giảm trong quý 3/2025 do VHC phải bổ sung tồn kho cá nguyên liệu với giá cao hơn vì hàng tồn kho thấp.

* Doanh thu thuần 9T 2025 đi ngang chủ yếu do doanh số tại Mỹ giảm 2% YoY – thị trường xuất khẩu chính của VHC – điều mà chúng tôi tin là do cạnh tranh cao hơn sau kết luận POR20 áp dụng thuế chống bán phá giá 0% cho nhiều nhà xuất khẩu hơn, một phần ảnh hưởng đến đà tăng trưởng của VHC. Xuất khẩu sang Trung Quốc cũng giảm đáng kể -33% YoY do Trung Quốc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nội địa giữa bối cảnh thuế quan cao của Mỹ nhắm vào các sản phẩm thủy sản của Trung Quốc. Mặc dù doanh thu xuất khẩu sang EU và các thị trường có giá trị cao khác tích cực, tổng sản lượng xuất khẩu vẫn giảm 8% YoY do VHC duy trì lập trường giữ vị thế dẫn đầu tại các thị trường chính thay vì đa dạng hóa sang các thị trường có giá bán trung bình thấp hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VIC: Lợi nhuận mảng BDS và khách sạn nghỉ dưỡng phù hợp kỳ vọng; khoản lãi từ chuyển nhượng vốn Novatech bù đắp cho khoản lỗ HĐKD cao hơn dự kiến của mảng công nghiệp trong quý 3/2025 - Báo cáo KQKD & Gặp gỡ HĐQT

* Tập đoàn VINGROUP (VIC) công bố LNST sau lợi ích CĐTS quý 3/2025 đạt 640 tỷ đồng (-88% YoY, và so với khoản lỗ ròng 941 tỷ đồng ghi nhận trong quý 2/2025), nhờ được hỗ trợ bởi (1) hoạt động bàn giao và ghi nhận giao dịch bán lô lớn, (2) mảng khách sạn nghỉ dưỡng duy trì lợi nhuận từ HĐKD dương, và (3) ghi nhận lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính/chuyển nhượng công ty con 30,9 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc hoàn tất chuyển nhượng Novatech cho Chủ tịch HĐQT (được công bố ngày 14/08/2025), qua đó giúp bù đắp khoản lỗ lớn hơn từ mảng công nghiệp.

* Trong 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025), LNST sau lợi ích CĐTS của VIC đạt 6,7 nghìn tỷ đồng (-31% YoY), chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) hoạt động bàn giao BDS, (2) mức lợi nhuận từ HĐKD dương của mảng khách sạn nghỉ dưỡng trong 9T, (3) khoản lãi từ việc chuyển nhượng vốn Novatech trong quý 3/2025, (4) khoản tài trợ 23 nghìn tỷ đồng từ Chủ tịch HĐQT cho VinFast trong 9T 2025, và (5) chuyển nhượng dự án Global Gate trong quý 1/2025 với khoản lãi trước thuế là 16,7 nghìn tỷ đồng, qua đó bù đắp cho (6) khoản lỗ từ mảng công nghiệp và chi phí tài chính.

* LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2025 của VIC hoàn thành 52% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VTP: Thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động mảng dịch vụ, gây áp lực lên lợi nhuận của quý 3/2025 - Báo cáo KQKD

* KQKD trong 9T 2025: Doanh thu thuần đạt 15 nghìn tỷ đồng (-1% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 252 tỷ đồng (đi ngang YoY), lần lượt hoàn thành 90% và 61% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu thuần vượt kỳ vọng nhờ mảng thương mại mạnh hơn dự kiến, trong khi doanh thu mảng dịch vụ cốt lõi vẫn phù hợp với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, LNST sau lợi ích CĐTS thấp hơn dự báo do chi phí SG&A cao hơn dự kiến (+22% YoY). Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* KQKD quý 3/2025: Doanh thu giảm 9% YoY, do mức tăng nhẹ 8% YoY của mảng dịch vụ không đủ bù đắp cho mức giảm 37% YoY trong doanh thu mảng thương mại. LNST sau lợi ích CĐTS giảm mạnh 20% YoY, do biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ giảm 2 điểm % YoY xuống mức 6,1%, chủ yếu do ảnh hưởng từ bão và lũ lụt làm gián đoạn hoạt động chuyển phát trong kỳ.

* KQKD theo từng mảng trong 9T 2025:

- Mảng dịch vụ: Chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu mảng dịch vụ được thúc đẩy bởi sản lượng bưu kiện tăng mạnh. Tổng giá trị giao dịch từ 4 sàn thương mại điện tử lớn nhất Việt Nam (Shopee, Tiktok Shop, Lazada và Tiki) tăng 34% YoY trong 9T 2025 và tổng số lượng sản phẩm bán ra tăng hơn 20% YoY, theo Metric – một công ty bên thứ ba chuyên nghiên cứu thị trường.

- Mảng thương mại: Doanh thu tiếp tục giảm 29% YoY do VTP tiếp tục thu hẹp hoạt động kinh doanh thẻ cào điện thoại.

* Tỷ suất lợi nhuận trong 9T 2025:

- Tổng biên lợi nhuận gộp tăng 0,7 điểm % YoY lên 5,2%, được hỗ trợ bởi cơ cấu doanh thu thuận lợi hơn với tỷ trọng đóng góp cao hơn từ mảng dịch vụ. Tuy nhiên, tốc độ cải thiện biên lợi nhuận chững lại so với 6T 2025, do biên lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ giảm 0,3 điểm % YoY, chỉ đạt 7,0% trong 9T 2025. Nguyên nhân chủ yếu là bão lớn và mùa mưa kéo dài làm giảm sản lượng và kéo dài thời gian vận chuyển, phần nào ảnh hưởng đến đà cải thiện trong nửa đầu năm.

- Chi phí SG&A/doanh thu tăng 0,6 điểm %, lên mức 3,1% trong 9T 2025, do chi phí lương tăng 24% YoY, dẫn đến biên lợi nhuận từ HĐKD chỉ cải thiện nhẹ 0,1 điểm % YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
IDC	KCN	32%	549	4,0	38.100	56.100	47%	5,2%	52%	MUA	15/08/25	9,2	7,4	21,5	2,2
STK	Dệt may	83%	92	0,0	17.300	25.500	47%	0,0%	47%	KQ	17/01/25	20,8	11,6	14,8	1,4
NVL	Bất động sản	42%	1.061	11,6	13.650	20.000	47%	0,0%	47%	MUA	01/10/25	-36,4	76,2	21,5	0,7
VGC	KCN	43%	804	2,6	47.200	64.100	36%	4,7%	40%	MUA	21/10/25	19,4	13,5	17,4	2,3
SZC	KCN	18%	213	1,0	31.200	42.400	36%	3,2%	39%	KQ	01/07/25	19,4	16,0	21,5	1,8
DCM	Phân bón	44%	704	4,2	35.000	46.600	33%	5,7%	39%	MUA	17/09/25	9,9	8,0	14,8	1,8
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.233	1,2	45.850	58.000	26%	10,9%	37%	MUA	10/09/25	13,6	12,9	14,7	2,6
PVS	Dầu khí	34%	595	4,8	32.800	45.000	37%	0,0%	37%	MUA	27/10/25	16,0	13,4	19,3	1,1
BMI	Bảo hiểm	19%	112	0,3	19.650	26.200	33%	2,5%	36%	MUA	12/04/24	8,0	6,9	14,4	1,0
HPG	VLXD	27%	7.783	54,5	26.700	35.300	32%	3,0%	35%	MUA	14/08/25	12,7	9,5	15,5	1,6
SIP	KCN	44%	518	1,0	56.300	73.900	31%	3,6%	35%	MUA	18/06/25	12,2	11,4	21,5	2,7
DGC	Công nghiệp	34%	1.385	5,3	96.000	126.000	31%	3,1%	34%	MUA	25/07/25	11,5	9,6	14,8	2,3
DXS	Bất động sản	29%	231	1,3	10.500	14.100	34%	0,0%	34%	KQ	29/08/25	14,8	12,2	21,5	1,0
ACV	Hàng không	46%	7.528	1,4	55.400	74.300	34%	0,0%	34%	KQ	13/08/25	16,9	14,8	13,9	3,0
KDH	Bất động sản	14%	1.528	10,8	35.850	47.100	31%	0,0%	31%	MUA	22/08/25	42,2	35,5	21,5	2,2
NLG	Bất động sản	5%	732	6,3	39.750	51.600	30%	1,3%	31%	MUA	14/08/25	22,9	27,6	21,5	2,0
PC1	Điện & Nước	33%	323	2,7	23.800	31.100	31%	0,0%	31%	KQ	05/08/25	16,6	9,8	17,4	1,4
VPB	Ngân hàng	6%	8.648	45,7	28.700	37.000	29%	1,7%	31%	PHTT	21/08/25	12,0	9,2	10,8	1,5
ACG	Gỗ	11%	208	0,0	36.400	45.800	26%	4,7%	30%	MUA	15/07/25	10,1	9,1	15,5	1,3
VCB	Ngân hàng	8%	18.913	12,9	59.600	77.600	30%	0,0%	30%	MUA	25/08/25	14,8	12,5	10,8	2,2
SCS	DV Hàng không	14%	203	0,7	56.400	67.000	19%	10,6%	29%	KQ	29/05/25	7,8	7,6	19,9	3,4
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.572	10,1	57.600	70.300	22%	6,9%	29%	MUA	24/04/25	14,4	13,7	14,7	3,5
DXG	Bất động sản	26%	784	22,3	20.250	26.000	28%	0,0%	28%	KQ	29/08/25	80,7	45,9	21,5	1,7
MBB	Ngân hàng	0%	7.220	38,9	23.600	30.000	27%	1,3%	28%	KQ	25/08/25	7,3	6,0	10,8	1,5
DPG	Điện & Nước	41%	168	3,3	43.800	55.200	26%	2,3%	28%	MUA	04/09/25	12,9	5,7	17,4	2,1
GAS	Dầu khí	47%	5.645	1,3	61.600	76.100	24%	4,1%	28%	KQ	13/08/25	12,4	11,6	13,2	2,3

QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	630	0,3	45.100	53.400	18%	8,9%	27%	KQ	30/08/24	6,5	6,5	14,7	1,7
MSN	Bán lẻ	24%	4.371	47,8	79.600	101.200	27%	0,0%	27%	MUA	21/05/25	42,3	27,1	13,9	3,4
TV2	Điện & Nước	5%	91	0,3	35.550	43.900	23%	2,8%	26%	MUA	18/09/25	56,2	14,1	13,9	1,9
ACB	Ngân hàng	0%	4.975	16,7	25.500	31.200	22%	3,9%	26%	MUA	18/08/25	7,3	6,1	10,8	1,4
PPC	Điện & Nước	40%	125	0,1	10.300	12.400	20%	5,8%	26%	PHTT	02/06/25	14,2	6,2	13,2	0,7
DPM	Phân bón	42%	620	4,1	24.000	29.000	21%	5,0%	26%	KQ	17/09/25	18,2	13,1	14,8	1,5
QTP	Điện & Nước	48%	221	0,1	12.900	15.000	16%	9,3%	26%	MUA	02/06/25	9,9	9,2	13,2	1,1
TLG	Văn phòng phẩm	85%	178	0,3	53.500	62.800	17%	6,5%	24%	MUA	12/09/25	9,8	8,6	11,7	1,8
PLC	Dầu khí	48%	82	0,3	26.600	31.900	20%	3,8%	24%	MUA	12/09/25	17,0	8,5	14,8	1,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.638	29,3	82.600	101.000	22%	1,2%	23%	MUA	14/10/25	18,6	14,6	14,1	3,9
PHR	Công nghiệp	34%	288	0,4	55.900	67.400	21%	2,4%	23%	KQ	25/06/25	15,4	10,4	14,8	1,9
CTG	Ngân hàng	3%	9.993	22,5	49.000	60.000	22%	0,0%	22%	MUA	18/08/25	10,0	8,3	10,8	1,6
PLX	Xăng dầu	3%	1.667	1,7	34.550	41.100	19%	3,5%	22%	MUA	13/10/25	19,2	15,0	19,3	1,7
HDG	Điện & Nước	31%	433	5,9	30.800	37.700	22%	0,0%	22%	MUA	11/09/25	15,7	9,9	21,5	1,8
SSI	Chứng khoán	66%	2.704	63,7	34.300	40.800	19%	2,9%	22%	KQ	27/08/25	17,9	13,8	19,6	2,3
NT2	Điện & Nước	37%	263	1,3	24.050	27.200	13%	8,3%	21%	MUA	21/10/25	8,9	8,0	13,2	1,5
PVT	Dầu khí	39%	314	1,5	17.600	21.200	20%	0,0%	20%	KQ	13/08/25	8,4	7,0	13,9	1,0
DGW	Bán lẻ	30%	335	2,2	39.850	47.400	19%	1,3%	20%	PHTT	23/07/25	16,3	12,4	14,1	2,7
GEX	Điện & Nước	42%	1.510	44,5	44.050	52.300	19%	1,1%	20%	PHTT	21/08/25	26,2	22,9	13,9	2,5
BID	Ngân hàng	12%	9.973	5,8	37.400	44.800	20%	0,0%	20%	MUA	26/05/25	11,3	10,5	10,8	1,6
TCB	Ngân hàng	0%	9.446	32,4	35.100	40.800	16%	2,8%	19%	KQ	11/08/25	9,8	8,2	10,8	1,5
KBC	KCN	31%	1.252	9,3	35.000	41.500	19%	0,0%	19%	MUA	11/08/25	18,5	11,5	21,5	1,4
OIL	Dầu khí	1%	427	0,3	10.900	12.700	17%	0,9%	17%	KQ	17/10/25	136,3	24,1	19,3	1,1
HVN	Hàng không	21%	3.734	1,3	31.600	37.100	17%	0,0%	17%	KQ	22/07/25	8,2	11,4	19,9	17,6
PVD	Dầu khí	43%	457	3,6	21.650	24.900	15%	2,3%	17%	KQ	11/08/25	16,8	12,7	19,3	0,7
DHC	Công nghiệp	13%	127	0,4	34.550	39.100	13%	3,2%	16%	MUA	21/08/25	10,3	9,4	15,5	1,5
FPT	CNTT	8%	6.722	43,5	103.900	116.600	12%	2,2%	14%	MUA	22/10/25	19,3	16,9	15,6	5,0
PNJ	Bán lẻ	0%	1.226	3,5	94.600	105.900	12%	2,1%	14%	MUA	14/08/25	16,0	14,6	11,7	2,7
BVH	Bảo hiểm	22%	1.432	0,7	50.800	56.900	12%	1,8%	14%	KQ	26/05/25	14,3	12,1	14,4	1,5

STB	Ngân hàng	9%	3.974	21,5	55.500	62.400	12%	0,0%	12%	KQ	25/08/25	8,2	4,4	10,8	1,7
AST	DV Hàng không	5%	128	0,0	75.000	80.600	7%	4,7%	12%	MUA	26/08/25	15,5	13,1	14,1	5,2
VIB	Ngân hàng	0%	2.398	7,3	18.550	20.800	12%	0,0%	12%	KQ	23/05/25	7,1	6,2	10,8	1,4
FRT	Bán lẻ	16%	960	4,4	148.400	165.300	11%	0,0%	11%	MUA	03/09/25	35,5	21,8	14,1	8,2
CTR	CNTT	40%	400	1,9	92.000	100.400	9%	2,2%	11%	KQ	12/09/25	23,8	20,5	17,4	4,9
BWE	Điện & Nước	39%	409	0,4	49.000	53.100	8%	2,7%	11%	KQ	11/08/25	16,1	11,5	13,2	1,9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	503	2,3	59.000	63.500	8%	3,4%	11%	KQ	13/10/25	9,8	8,8	14,7	1,4
REE	Điện & Nước	0%	1.358	1,0	66.000	72.200	9%	1,5%	11%	PHTT	15/08/25	14,0	11,7	13,9	1,8
HDB	Ngân hàng	1%	4.672	31,2	32.000	34.000	6%	3,1%	9%	KQ	08/09/25	6,9	5,9	10,8	1,9
GVR	Công nghiệp	12%	4.413	2,5	29.050	31.200	7%	1,4%	9%	PHTT	04/07/25	27,1	24,4	14,8	2,0
TDM	Điện & Nước	48%	241	0,4	57.000	58.600	3%	2,5%	5%	PHTT	11/08/25	31,3	22,4	13,2	2,5
PTB	Công nghiệp	12%	133	0,5	52.300	52.000	-1%	4,0%	3%	KQ	06/10/25	9,3	9,1	15,5	1,1
POW	Điện & Nước	45%	1.276	4,4	14.350	14.800	3%	0,0%	3%	KQ	02/06/25	26,9	18,0	13,2	1,0
BMP	VLXD	14%	529	0,9	170.000	155.400	-9%	8,5%	0%	KQ	04/09/25	11,5	11,7	17,4	4,4
GMD	GTVT	9%	1.103	6,8	68.100	65.700	-4%	3,2%	0%	KQ	31/07/25	20,6	21,1	13,9	2,3
VHM	Bất động sản	39%	15.474	37,6	99.200	98.700	-1%	0,0%	-1%	PHTT	29/08/25	11,6	11,0	21,5	1,9
TPB	Ngân hàng	7%	1.754	13,5	16.650	16.500	-1%	0,0%	-1%	MUA	27/05/25	6,7	6,1	10,8	1,2
VRE	Bất động sản	31%	2.874	24,9	33.300	31.300	-6%	0,0%	-6%	PHTT	29/08/25	16,8	15,2	21,5	1,7
HDC	Bất động sản	46%	228	8,3	33.650	30.400	-10%	0,0%	-10%	KQ	21/03/25	35,0	20,2	21,5	2,1
VEA	Ô-tô	47%	2.083	0,6	41.200	30.800	-25%	11,7%	-14%	PHTT	28/10/25	7,2	7,7	13,9	1,8
HSG	VLXD	41%	395	3,7	16.750	13.500	-19%	3,0%	-16%	PHTT	18/04/25	21,0	17,7	15,5	0,9
NKG	VLXD	45%	272	6,5	16.000	13.100	-18%	0,0%	-18%	PHTT	18/04/25	16,7	12,4	15,5	0,9
BSR	Lọc hóa dầu	49%	3.166	9,1	16.650	12.400	-26%	0,0%	-26%	BÁN	28/08/25	28,1	21,2	19,3	1,5
VIC	Bất động sản	40%	27.949	46,2	191.000	127.900	-33%	0,0%	-33%	PHTT	29/08/25	55,2	53,7	21,5	5,1
VTP	GTVT	43%	534	5,0	115.500	69.000	-40%	1,3%	-39%	PHTT	06/09/24	39,8	33,9	13,9	8,1
VJC	Hàng không	18%	4.202	22,4	187.000	114.000	-39%	0,0%	-39%	KQ	15/03/24	27,0	20,9	19,9	4,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.752	6,6	50.700	29.800	-41%	0,0%	-41%	BÁN	18/08/25	14,9	14,6	10,8	3,5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	35	90.918	2.598	12	16,1	13,5	11,3	16,8	2,0	25,5	15,5	14,5	2,3	3,0%
KHẢ QUAN	31	62.116	2.004	10	12,0	10,8	8,9	12,4	1,9	23,0	21,0	13,3	2,5	2,4%
PHÙ HỢP TT	14	66.210	4.729	4	21,9	19,3	17,4	17,3	2,4	23,2	22,1	18,6	2,4	2,2%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	8.918	4.459	0	22,9	17,9	16,5	11,5	2,3	49,0	21,5	17,9	2,5	0,0%
TỔNG CỘNG	82	228.163	2.782	26	16,0	13,9	11,8	15,2	2,1	24,7	18,8	14,8	2,4	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	87.717	7.310	11	11,6	10,1	8,3	12,0	1,7	11,1	9,7	8,2	1,7	1,1%
Bảo hiểm	2	1.545	772	1	17,0	13,5	11,4	15,4	1,5	14,8	11,2	9,5	1,3	2,2%
Chứng khoán	1	2.704	2.704	1	27,5	17,9	13,8	21,3	2,3	27,5	17,9	13,8	2,3	2,9%
Tiêu dùng	13	28.850	2.219	5	18,5	16,2	14,4	18,8	3,3	24,4	17,9	14,3	3,3	4,4%
Bất động sản	9	50.861	5.651	2	32,2	24,4	22,7	20,6	2,7	41,3	27,0	33,1	2,0	0,1%
Vật liệu	4	8.979	2.245	1	17,3	13,0	9,9	16,4	1,6	16,2	15,5	12,8	2,0	3,6%
Điện & Nước	12	6.417	535	1	22,5	17,9	13,1	20,3	1,6	30,3	20,7	12,5	1,7	3,0%
Dầu khí	10	13.677	1.368	2	19,3	15,7	13,2	17,6	1,6	29,5	28,2	13,5	1,4	2,5%
Công nghiệp	5	1.945	389	0	13,3	11,3	9,6	14,5	1,9	17,4	12,4	9,7	1,5	3,0%
Khu công nghiệp	7	8.036	1.148	1	22,9	19,9	15,8	23,4	1,9	25,4	17,3	13,5	2,0	2,9%
GTVT & Logistics	7	17.432	2.490	1	13,2	15,0	15,3	16,2	4,1	22,7	19,4	17,5	6,3	2,8%
TỔNG CỘNG	82	228.163	2.782	26	16,0	13,9	11,8	15,2	2,1	24,7	18,8	14,8	2,4	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q3 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	5%	8%	MUA		Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; sự phục hồi của doanh số bán lẻ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM
BID		3%	MUA		
CTG		18%	MUA		
HDB	17%	26%	KQ		NII thấp hơn kỳ vọng; chất lượng tài sản suy giảm
LPB	9%	10%	BÁN		KQKD phù hợp kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng tốt, NIM tiếp tục phục hồi, và chất lượng tài sản ổn định.
MBB	10%	13%	KQ		Doanh thu tiếp tục tăng trưởng mạnh mặc dù nợ xấu nhích tăng so với quý trước
STB	37%	27%	MUA		Đã ghi nhận phần lớn khoản thu từ việc bán nợ tại dự án Phong Phú; tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng mạnh
TCB	2%	17%	KQ		KQKD vững chắc trên mọi phương diện và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
TPB	11%	9%	MUA		NIM tiếp tục chịu áp lực
VCB		9%	MUA		
VIB	7%	9%	KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	44%	21%	PHTT		Lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và đóng góp tích cực từ VPBankS.
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	33%	50%	MUA		Lợi nhuận quý 3 năm 2025 phục hồi nhờ cải thiện tỷ lệ kết hợp và thu nhập từ đầu tư.
BVH		23%	KQ		
SSI		13%	MUA		
Tiêu dùng					
CTR		9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 16%, dẫn dắt bởi mảng hạ tầng cho thuê và dịch vụ giải pháp năng lượng mặt trời
DGW	28%	23%	PHTT		Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng
FPT	19%	16%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 9T 2025 tăng 19% YoY; đã phục hồi trong doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài tiếp tục duy trì trong tháng 9
FRT	145%	124%	MUA		Long Châu duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; FPT Shop đảo chiều có lãi ròng trong quý 3/2025
MSN (2)	72%	122%	MUA		Các mảng chính đều đã có lãi, biên lợi nhuận của WCM cải thiện dù mở rộng nhanh
MWG	73%	75%	MUA	MUA	Doanh số mảng điện tử tăng tốc, lợi nhuận mảng tạp hóa cải thiện
PNJ	17%	-5%	MUA		Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng

QNS	25%	0%	KQ	KQ	Mảng sữa đậu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao
SAB		3%	MUA		Biên lợi nhuận cải thiện mạnh dù sản lượng bia đang chịu áp lực
TLG		3%	MUA		
VEA		5%	PHTT		Duy trì tăng trưởng lợi nhuận giữa bối cảnh thách thức gia tăng
VHC		10%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ
VNM	-10%	6%	MUA		Doanh số trong nước phục hồi trong 2 quý liên tiếp, biên lợi nhuận bắt đầu cải thiện
GTVT & Logistics					
ACV		-14%	KQ	KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao	
AST		51%	MUA		
GMD (2)		-6%	KQ		
HVN		13%	PHTT		
SCS	8%	-1%	KQ		
VJC		6%	KQ		
VTP		15%	PHTT		
Bất động sản					
DXG	134%	-13%	KQ		Lợi nhuận trong 9T 2025 tăng trưởng phù hợp kỳ vọng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi mảng môi giới phục hồi
DXS	220%	224%	KQ		Mức tăng mạnh của mảng môi giới thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận trong quý 3/2025
HDC	781%	145%	KQ		Ghi nhận phần lớn lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần dự án Đại Dương trong quý 3
NVL	N.M.	N.M.	MUA		Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4
KDH	35%	17%	MUA		Dự án Gladia thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận quý 3/2025; kết quả lợi nhuận và doanh số bán hàng vượt kỳ vọng
NLG	2137%	35%	MUA		Dự án Southgate thúc đẩy đà tăng trưởng YoY của lợi nhuận và doanh số bán hàng trong quý 3
VHM	-22%	17%	PHTT		Doanh số bán hàng trong 9T vượt dự báo cả năm nhờ doanh số bán lô lớn tích cực tại dự án Green Paradise trong quý 3; lợi nhuận 9T phù hợp với kỳ vọng
VIC		8%	PHTT		
VRE	26%	10%	PHTT		Mảng cho thuê bán lẻ tăng trưởng ổn định, thu nhập tài chính và thu nhập khác ghi nhận ở mức cao, thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025
Khu công nghiệp					
GVR	106%	8%	PHTT		Giá bán trung bình của cao su tăng, thu nhập ròng khác ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025
IDC	-10%	-21%	MUA		Mảng BĐS KCN tốt hơn kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong quý 3/2025
KBC	325%	280%	MUA		Bàn giao đất theo tiến độ tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh thúc đẩy lợi nhuận quý 3 tăng mạnh

PHR	35%	19%	KQ	Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA	Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	7%	4%	KQ	KQKD quý 3 kém khả quan do ghi nhận doanh thu từ BĐS KCN và BĐS nhà ở chỉ ở mức thấp
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		-5%	MUA	
BMP	27%	24%	KQ	Lợi nhuận quý 3 đạt kỳ lục nhờ chiết khấu thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và chi phí đầu vào thấp; vượt kỳ vọng
DGC	7%	14%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025 tăng 7% YoY, phù hợp với dự báo; sản lượng quý 3 tăng bù đắp một phần cho giá bán trung bình giảm QoQ
DHC		34%	MUA	
HPG		35%	MUA	
HSG (1)		-2%	PHTT	
NKG		-26%	PHTT	
PTB		10%	KQ	
STK	45%	386%	KQ	Lỗ tỷ giá tiếp tục ăn mòn kết quả quý 3, song việc tái cấp vốn khoản vay USD sang VND dự kiến giúp giảm rủi ro tỷ giá trong tương lai
Điện & Nước				
BWE (2)		14%	KQ	
GEX	44%	-6%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo quý 3 tăng gấp 6 lần YoY, LNST 9T tăng 44% YoY
HDG	0%	115%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng
NT2	6703%	875%	MUA	MUA LNST quý 3 đạt mức cao kỷ lục trong 4 năm qua - tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
PC1	24%	19%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 gần như tăng gấp đôi nhờ mảng xây lắp điện tăng trưởng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
POW		19%	KQ	
PPC	-82%	-43%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS 9 tháng giảm 81% YoY do sản lượng thấp đi kèm với chênh lệch giá thu hẹp, thấp hơn kỳ vọng
QTP	-15%	-5%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T giảm 15% YoY do sản lượng và chênh lệch giá giảm nhẹ; thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng
REE	45%	29%	PHTT	Mảng thủy điện vượt trội so với kỳ vọng, thúc đẩy tăng trưởng LNST
TDM (2)	-54%	-57%	PHTT	Sản lượng Q3 2025 yếu, M&A Biwase Can Tho
TV2		4%	MUA	
DPG		52%	MUA	
VGC	50%	3%	PHTT	MUA Lượng bàn giao đất KCN thấp hơn dự kiến, mảng VLXD trên đà phục hồi, rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
Dầu khí				

BSR	201%	370%	BÁN	Sự phục hồi của KQKD trong quý 3 thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận 9 tháng đầu năm, phù hợp với dự báo	
DCM (2)	45%	44%	MUA	LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh	
DPM	51%	101%	KQ	LNST tăng gấp 3.8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào	
GAS	19%	17%	KQ	LNST cốt lõi quý 3 giảm do giá LPG/giá FO ở mức thấp, phù hợp dự báo	
OIL (2)	-13%	-8%	KQ	LNST sau lợi ích CDTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng	
PLX (2)	-9%	-5%	MUA	LNST sau lợi ích CDTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng	
PLC	331%	193%	MUA	LNST sau lợi ích CDTS 9T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ kết quả tích cực ở tất cả các mảng kinh doanh; tiềm năng tăng nhẹ dự báo	
PVD (2)	7%	4%	KQ	LNST sau lợi ích CDTS báo cáo trong 9T tăng 36% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ	
PVS (2)	100%	62%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CDTS quý 3 tăng gấp đôi YoY nhờ doanh thu và thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PVT (2)	-9%	3%	KQ	LNST sau lợi ích CDTS cốt lõi trong 9T giảm 9% do thị trường tàu chở dầu kém khả quan; phù hợp với dự báo	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2-quý 4/năm tài chính 2025. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.639,7	-29,9
VN 30	1.885,4	-39,8
VN Mid	2.346,3	-34,1
VNSmall	1.540,7	-4,9

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	265,9	-1,1
HNX30	573,2	-5,2
VNX Allshare	2.827,1	-54,7

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	113,5	0,0

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.948,6	10,7%
Khối ngoại mua	2.982,4	10,8%
Khối ngoại bán	3.442,3	12,4%
Tổng giao dịch	27.682,9	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	4,6	0,2%
Khối ngoại mua	76,6	4,2%
Khối ngoại bán	134,6	7,4%
Tổng giao dịch	1.830,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3,6	0,6%
Khối ngoại mua	40,3	6,7%
Khối ngoại bán	49,8	8,3%
Tổng giao dịch	597,8	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DCL	2.150	7,0%
LDG	310	7,0%
PVD	1.400	6,9%
MSH	2.500	6,9%
CRE	640	6,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SJE	1.800	9,8%
PVC	400	3,9%
HUT	600	3,6%
OCH	200	3,3%
IPA	600	3,3%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BCR	165	11,8%
BTH	2.288	3,6%
HBC	219	3,4%
ABI	587	3,0%
DRI	329	2,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEX	-3.300	-7,0%
VIC	-13.100	-6,4%
VSC	-1.350	-5,5%
DXS	-600	-5,4%
OCB	-650	-4,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CEO	-1.900	-7,0%
DL1	-300	-5,0%
HGM	-12.000	-4,3%
L40	-4.100	-4,0%
IDJ	-200	-3,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HNG	-338	-5,4%
KLB	-660	-3,8%
FOX	-2.253	-3,3%
ANT	-1.033	-3,0%
DDV	-692	-2,2%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
FPT	1.789
GEX	1.644
VIX	1.588
VIC	1.457
SSI	1.044

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
CEO	513
SHS	359
PVS	287
HUT	93
IDC	92

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VGI	269
ACV	76
HNG	64
MCH	55
DDV	45

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HII	1.129.178	85.849
MSH	1.129.203	139.648
KDC	2.206.307	385.471
DBD	303.602	54.517
HID	1.945.546	434.322
TRC	313.480	73.251
BIC	324.485	76.280
TNH	591.695	142.502
TCO	916.824	229.481
ACC	305.519	77.171

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PVB	281.600	67.197
TNG	2.537.993	629.592
GKM	400.026	100.250
SVN	586.801	154.824
HBS	388.157	130.382
DDG	763.945	316.220
VCS	174.134	76.918
PVS	8.595.793	3.996.107
DXP	327.183	156.630
S99	271.357	152.178

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CT3	1.395.073	98.612
BOT	495.970	82.510
DFF	4.298.165	722.718
BCR	4.146.262	798.083
CTX	431.007	83.722
ACM	465.514	97.616
CVN	346.560	87.831
BGE	731.000	211.986
DVG	408.889	128.784
DRI	1.025.185	378.783

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.493,1		16,7	2,1	13,2
SSI	2.704,2	65,8	18,2	2,3	13,1
VIX	1.628,5	89,7	10,1	2,1	24,1
VND	1.159,2	86,6	15,8	1,5	9,7
VCI	1.018,1	70,5	23,3	2,1	8,8
HCM	955,6	10,4	16,1	2,4	10,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	521,1		12,5	1,6	11,3
BVH	1.432,2	21,9	14,1	1,5	11,3
PVI	657,4	42,4	14,3	1,9	14,4
BIC	186,5	3,6	8,6	1,6	18,6
PTI	174,0	62,5	16,8	1,8	0,0
VNR	155,4	22,4	8,7	1,0	11,9

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.156,7		19,6	4,0	23,8
ACV	7.527,6	45,7	18,6	3,0	16,8
GEE	2.449,2	49,8	19,4	8,6	48,1
MVN	2.213,8	0,0	33,8	4,3	13,2
VEA	2.083,1	47,4	7,2	1,8	26,9
GEX	1.509,7	41,6	19,1	2,5	14,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.759,8		19,6	4,6	24,5
MCH	6.396,9	33,5	20,6	10,5	46,8
VNM	4.571,9	51,6	13,9	3,5	26,4
MSN	4.371,1	24,4	36,3	3,4	10,5
SAB	2.233,3	40,9	13,6	2,6	18,9
PNJ	1.225,7	0,2	13,7	2,7	20,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.262,6		21,9	1,2	6,7
BSR	3.166,3	48,8	40,3	1,5	3,7
PLX	1.667,2	2,8	16,5	1,7	10,3
PVS	595,4	34,0	10,8	1,1	10,4
PVD	457,1	42,8	13,5	0,7	5,5
OIL	427,1	0,7	28,4	1,1	3,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.990,2		19,3	4,8	12,4
GAS	5.645,0	47,2	12,3	2,3	18,9
REE	1.357,7	0,0	13,8	1,8	13,2
POW	1.276,3	45,4	17,7	1,0	5,8
PGV	861,9	50,0	31,6	1,5	4,9
DNH	810,1	0,0	20,9	17,6	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.329,8		30,1	3,6	14,3
VIC	27.949,0	40,3	83,5	5,1	6,2
VHM	15.474,4	38,8	16,2	1,9	12,7
VRE	2.873,7	30,8	15,5	1,7	11,1
KSF	2.757,7	50,0	16,6	6,1	23,4
BCM	2.594,3	32,0	18,5	3,2	18,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.394,6		10,9	1,7	16,7
VCB	18.913,0	7,9	14,2	2,2	16,8
CTG	9.993,1	3,0	7,9	1,6	21,1
BID	9.973,0	12,4	9,9	1,6	17,3
TCB	9.446,2	0,0	11,3	1,5	14,2
VPB	8.647,7	5,6	11,0	1,5	14,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.756,9		37,5	7,7	-35,4
VPL	5.251,0	48,9	52,8	4,4	0,0
MWG	4.637,9	1,2	20,9	3,9	19,7
VJC	4.201,6	17,8	64,6	4,5	7,8
HVN	3.734,1	20,8	8,4	17,6	-229,1
FRT	959,8	16,3	41,0	8,2	24,8

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.759,8		19,6	4,6	24,5
HPG	6.396,9	27,3	20,6	10,5	46,8
GVR	4.571,9	12,1	13,9	3,5	26,4
DGC	4.371,1	34,4	36,3	3,4	10,5
KSV	2.233,3	0,0	13,6	2,6	18,9
MSR	1.225,7	99,9	13,7	2,7	20,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.262,6		21,9	1,2	6,7
DHG	3.166,3	46,2	40,3	1,5	3,7
IMP	1.667,2	24,8	16,5	1,7	10,3
DHT	595,4	9,0	10,8	1,1	10,4
DBD	457,1	84,5	13,5	0,7	5,5
DVN	427,1	0,0	28,4	1,1	3,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.990,2		19,3	4,8	12,4
FPT	5.645,0	8,0	12,3	2,3	18,9
CMG	1.357,7	13,9	13,8	1,8	13,2
SAM	1.276,3	48,5	17,7	1,0	5,8
SGT	861,9	-5,5	31,6	1,5	4,9
ELC	810,1	45,9	20,9	17,6	19,3

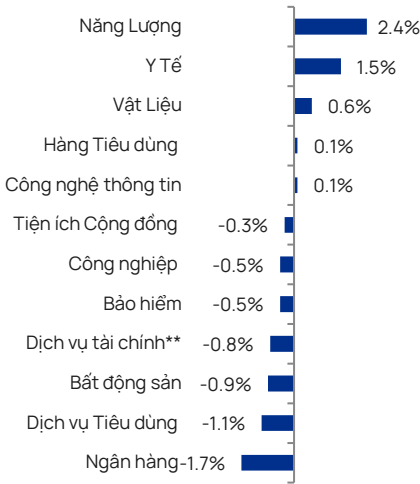
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

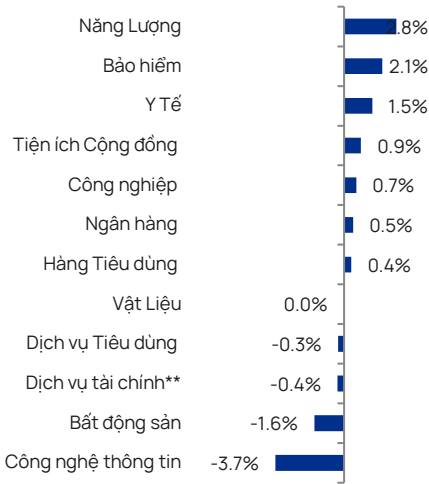
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hàng ngày theo ngành

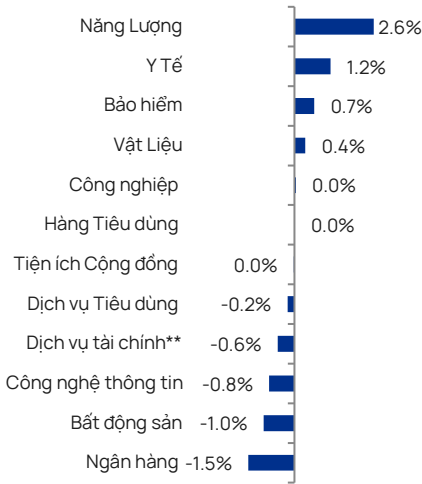
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



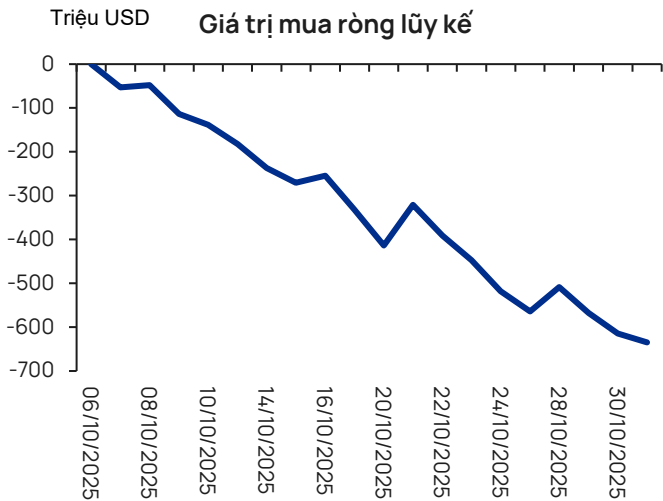
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



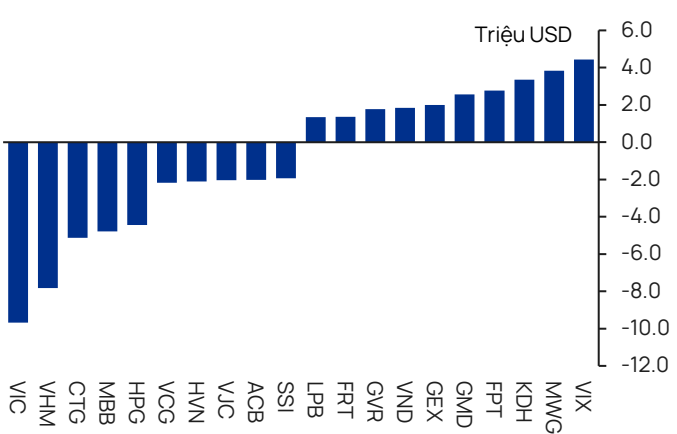
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

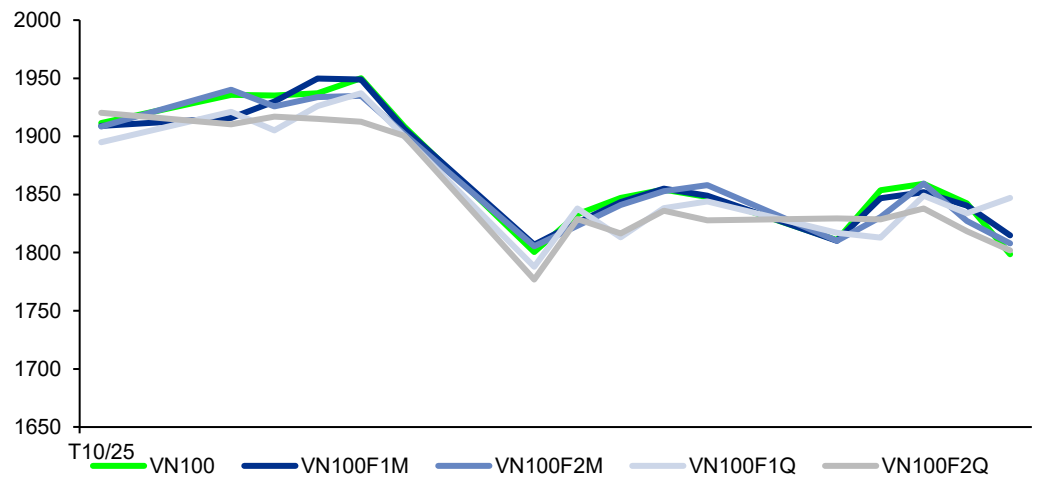
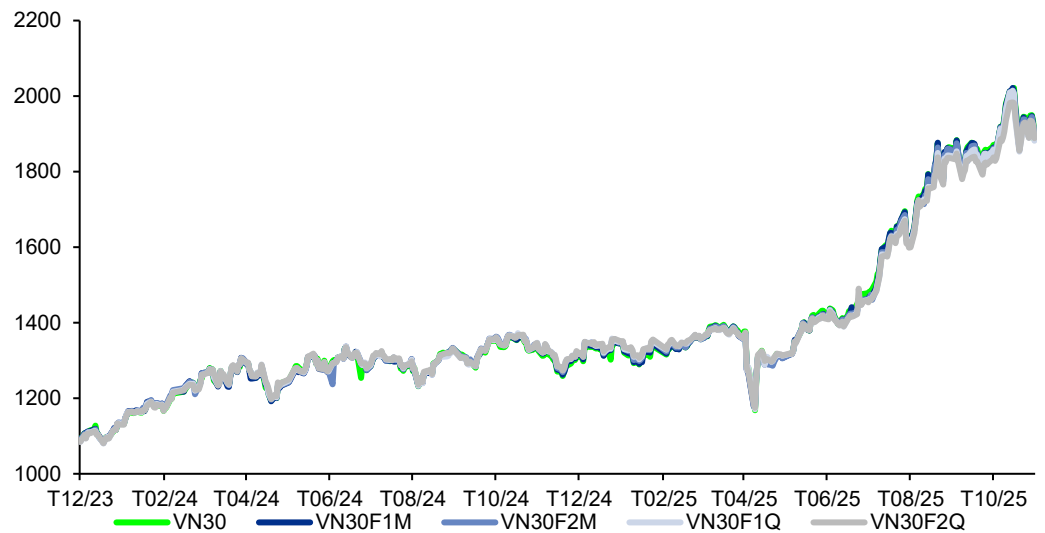


Nguồn: HSX, HNX, Fiiipro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.892,0	-35,0	-1,8%	6,6
VN30F2M	1.886,0	-35,3	-1,8%	0,6
VN30F1Q	1.882,0	-38,0	-2,0%	-3,4
VN30F2Q	1.888,4	-35,4	-1,8%	3,0
VN100F1M	1.815,0	-25,6	-1,4%	16,4
VN100F2M	1.807,9	-19,3	-1,1%	9,3
VN100F1Q	1.847,0	13,2	0,7%	48,4
VN100F2Q	1.802,0	-16,4	-0,9%	3,4

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	38.884	8,7%	341,85	3,1%
VN30F2M	3.184	2,1%	0,71	-9,8%
VN30F1Q	288	2,1%	0,07	-18,5%
VN30F2Q	115	4,5%	0,03	11,5%
VN100F1M	235	267,2%	0,41	213,1%
VN100F2M	10	11,1%	0,01	-85,4%
VN100F1Q	17	0,0%	0,01	180,0%
VN100F2Q	17	21,4%	0,01	75,0%

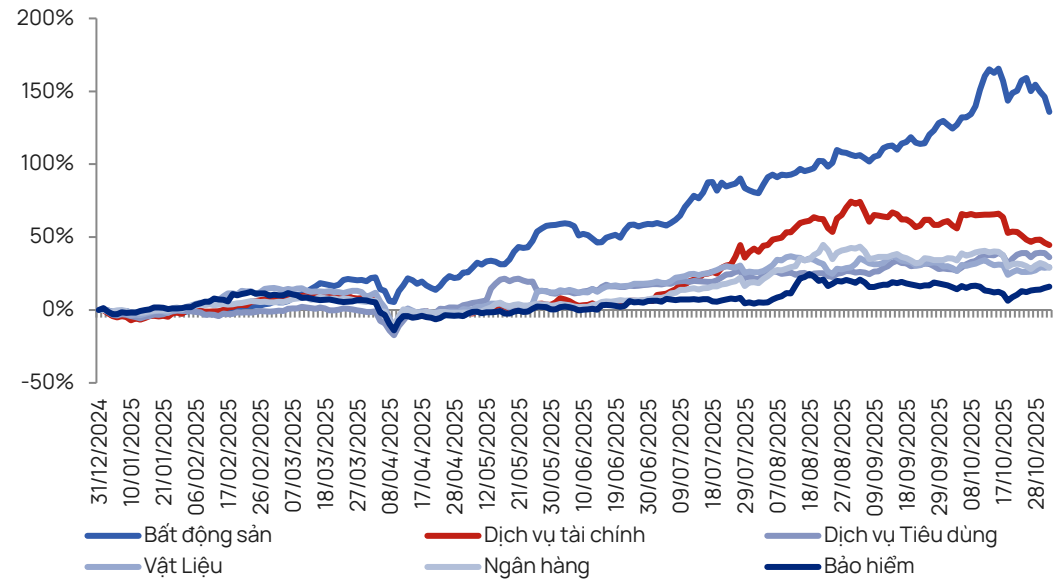


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

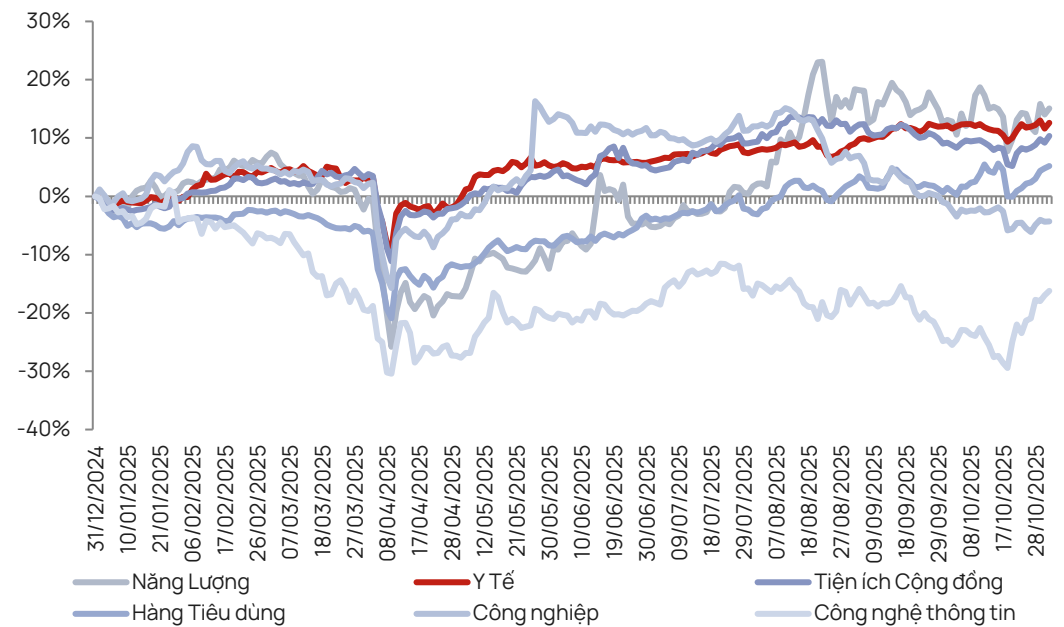
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



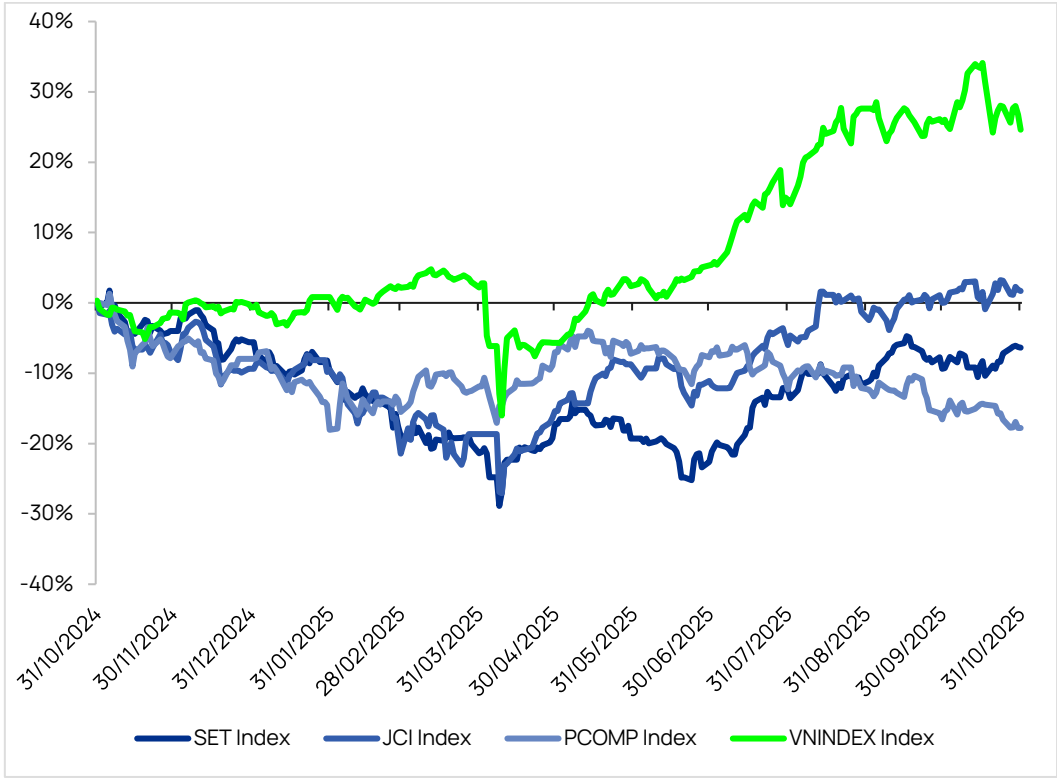
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



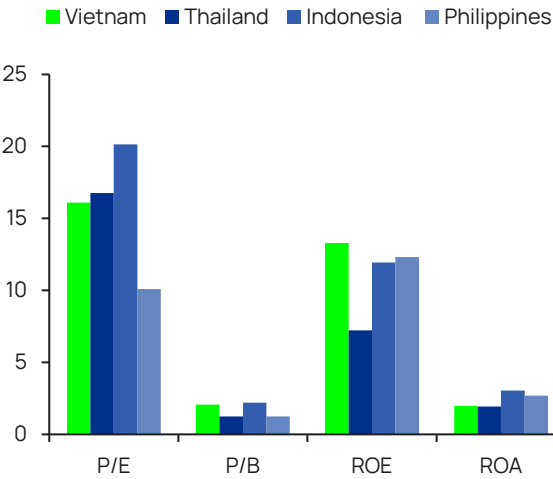
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,8	20,1	10,1	16,1
P/B	1,3	2,2	1,3	2,1
ROE (%)	7,2	11,9	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,0	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	511,1	901,5	147,3	283,0
GTGD trung bình, tr USD	1.178,8	812,3	78,0	864,2
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-3.000,0	-2.593,4	-751,5	-4.505,4
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(138,7)	265,3	(26,8)	(42,2)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,42%	5,47%	5,67%	3,16%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách
hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com
.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.